HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC I

**KHOA XÃ HỘI HỌC VÀ PHÁT TRIỂN**

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**XÃ HỘI HỌC TRONG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ**

Hà Nội, tháng 11/2024

**HÀ NỘI, THÁNG 8/2022**

# **PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ MÔN HỌC**

## 1. Thông tin chung về môn học

* Tổng số tiết: 35 (Lý thuyết: 30 tiết; Thảo luận: 5 tiết)
* Khoa giảng dạy: Xã hội học và phát triển
* Số điện thoại: Email: [xhhpt.hv1@gmail.com](mailto:xhhpt.hv1@gmail.com)

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung môn học

* “Xã hội học trong lãnh đạo quản lý” là hệ thống các chuyên đề xã hội học phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý.
* Quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sử dụng xã hội học trong lãnh đạo quản lý ở Việt Nam hiện nay.
* Các chuyên đề giúp người học nhận diện, giải quyết các vấn đề xã hội và khai thác, sử dụng phương pháp nghiên cứu của xã hội học trong quá trình lãnh đạo, quản lý; phát triển nhận thức, tư duy lãnh đạo, quản lý; nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành việc thực hiện quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước hướng đến mục tiêu phát triển xã hội bền vững.
* Nội dung của môn học gồm 6 chuyên đề: (1) Vai trò của xã hội học trong lãnh đạo, quản lý; (2) Cấu trúc xã hội và phân tầng xã hội ở Việt Nam; (3) Dư luận xã hội và truyền thông đại chúng với lãnh đạo, quản lý; (4) Chính sách xã hội trong lãnh đạo, quản lý; (5) Dân số và phát triển; (6) Quản lý xã hội trong bối cảnh hiện nay.

## 3. Mục tiêu môn học:

## Môn học xã hội học trong lãnh đạo quản lý cung cấp cho học viên:

### ***3.1. Về kiến thức:***

* Hệ thống kiến thức xã hội học về các vấn đề xã hội cần được giải quyết trong công tác lãnh đạo, quản lý; Cơ sở khoa học của việc xây dựng và thực hiện chính sách xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững.
* Hệ thống quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về giải quyết các vấn đề xã hội, xây dựng và thực hiện chính sách xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững trong bối cảnh của Việt Nam.

### ***3.2. Về kỹ năng:***

* Nhận diện các vấn đề xã hội cần được giải quyết trong thực tiễn; tham mưu giải pháp chính sách.
* Tổng kết thực tiễn và rút ra các bài học về tổ chức thực hiện quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

### ***3.3. Về tư tưởng:***

* Tin tưởng, sẵn sàng bảo vệ quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về giải quyết các vấn đề xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững.
* Chủ động, có trách nhiệm trong giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững tại địa phương.

# **PHẦN II. CÁC CHUYÊN ĐỀ MÔN HỌC**

## I. Chuyên đề 1

**1. Tên chuyên đề:**VAI TRÒ CỦA XÃ HỘI HỌC TRONG LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

**2. Thời gian:** 5 tiết

**3. Mục tiêu:** Chuyên đề này trang bị cho học viên:

* ***Về kiến thức:***

+ Nội dung cốt lõi của xã hội học trong lãnh đạo quản lý, bao gồm về đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của xã hội học, chức năng và vai trò của xã hội học trong công tác lãnh đạo quản lý.

+ Cơ sở khoa học và chính trị, pháp lý của việc sử dụng xã hội học trong công tác lãnh đạo, quản lý.

* ***Về kỹ năng:***

+ Nhận diện vấn đề xã hội cần được giải quyết trong thực tiễn công tác lãnh đạo, quản lý.

+ Tổ chức sử dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội học phục vụ quá trình ra quyết định lãnh đạo, quản lý.

+ Xác định yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo quản lý trong chỉ đạo, điều hành sử dụng xã hội học.

* ***Về tư tưởng:***

+ Tin tưởng quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sử dụng xã hội học.

+ Sáng tạo, trách nhiệm trong tổ chức sử dụng xã hội học phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý.

**4. Chuẩn đầu ra và đánh giá người học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra** | **Đánh giá người học** | |
| **Yêu cầu đánh giá** | **Hình thức đánh giá** |
| Sau chuyên đề, học viên sẽ:  ***- Về kiến thức:***  + Hiểu được nội dung cốt lõi về xã hội học trong lãnh đạo, quản lý.  + Hiểu được sự cần thiết và cách sử dụng xã hội học trong công tác lãnh đạo, quản lý.  + Nắm vững quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sử dụng xã hội học trong công tác lãnh đạo, quản lý. | - Trình bày được nội dung cốt lõi về xã hội học trong lãnh đạo quản lý, bao gồm về đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của xã hội học; chức năng và vai trò của xã hội học trong công tác lãnh đạo quản lý.  - Luận giải được sự cần thiết và cách thức sử dụng xã hội học phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý.  - Phân tích được quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sử dụng xã hội học trong công tác lãnh đạo, quản lý.  - Lựa chọn được các phương pháp thu thập, xử lý thông tin phù hợp trong các tình huống lãnh đạo, quản lý cụ thể.  - Nhận diện được vấn đề xã hội cần giải quyết, phân tích được nguyên nhân của vấn đề, đề xuất được các giải pháp để giải quyết vấn đề đó.  - Đánh giá được ưu điểm, hạn chế của việc sử dụng xã hội học trong thực tiễn công tác và rút ra được bài học kinh nghiệm.  - Xác định được yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tổ chức sử dụng xã hội học. | - Thi viết;  - Thi vấn đáp;  - Viết thu hoạch. |
| ***- Về kỹ năng:***  + Nhận diện được vấn đề xã hội, phân tích được các nguyên nhân, đề xuất được các giải pháp.  + Tổ chức được việc sử dụng phương pháp nghiên cứu xã hội học để thu thập, xử lý thông tin phục vụ ra quyết định lãnh đạo, quản lý.  + Xác định được yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tổ chức sử dụng xã hội học. |
| ***- Về tư tưởng:***  ***+*** Tin tưởng quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sử dụng xã hội học trong công tác lãnh đạo, quản lý.  + Chủ động, trách nhiệm trong tổ chức sử dụng xã hội học trong thực tiễn công tác. |

**5. Tài liệu học tập**

***5.1. Tài liệu phải đọc***

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý*. NXB Lý luận Chính trị, 2021, tr 11- 43.

- Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, tập 1, tr 114-120; 147-152; 165-183 và 222-290.

***5.2. Tài liệu nên đọc***

- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các đối tác: Tài liệu đánh giá tác động xã hội của chính sách, 2021.

**6. Nội dung**

| **Câu hỏi cốt lõi** | **Nội dung cốt lõi** | **Câu hỏi kiểm tra quá trình học tập của học viên** |
| --- | --- | --- |
| **CHCL 1. Lãnh đạo, quản lý sử dụng xã hội học để làm gì?** | * 1. **Phát triển tư duy lãnh đạo, quản lý** * Nâng cao nhận thức về các vấn đề xã hội cần được quan tâm giải quyết, bao gồm:   + Về bản chất của các vấn đề có tính xã hội như biến đổi cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội, dư luận xã hội, biến đổi dân số trong quá trình phát triển, nghèo đói, bất bình đẳng, tình huống bất thường và sai lệch xã hội,…  + Về nguyên nhân xã hội của vấn đề.  + Về các giải pháp xã hội cho vấn đề.   * Đánh giá và dự báo xu hướng vận động, biến đổi và phát triển của xã hội, ra quyết định đúng đắn, sáng suốt dựa trên bằng chứng khách quan, tin cậy.   1. **Cải thiện hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý** * Xây dựng và điều chỉnh chiến lược, chính sách và pháp luật, chương trình, dự án và đề án dựa trên bằng chứng khách quan, tin cậy (kết quả đánh giá tác động xã hội). * Nhận diện và giải quyết tốt các vấn đề xã hội nảy sinh trong tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách và pháp luật, chương trình, dự án và đề án. * Đấu tranh với căn bệnh chủ quan duy ý chí, nóng vội, kinh viện trong chỉ đạo, điều hành trên cơ sở sử dụng kết quả nghiên cứu xã hội học. | **Câu hỏi trước giờ lên lớp**   1. Vì sao cán bộ lãnh đạo, quản lý cần sử dụng xã hội học trong công tác lãnh đạo, quản lý? 2. Quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sử dụng xã hội học phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý như thế nào? 3. Vấn đề đặt ra trong sử dụng xã hội học phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý ở địa phương/đơn vị là gì? Cần có giải pháp như thế nào để giải quyết vấn đề trên?   **Câu hỏi sau giờ lên lớp**   1. Với vị trí công tác hiện nay, đồng chí sẽ làm gì để tăng cường việc sử dụng xã hội học trong công tác lãnh đạo, quản lý tại địa phương? |
| **CHCL 2. Quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tăng cường sử dụng xã hội học trong công tác lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam như thế nào?** | **2.1. Quan điểm của Đảng về tăng cường sử dụng xã hội học trong công tác lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam**  **\*** *Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận*   * Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, dự báo xu hướng phát triển để hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; và định hướng chính sách. * Cung cấp căn cứ xây dựng và tổ chức triển khai đường lối, chính sách phát triển đất nước trong giai đoạn mới có hiệu hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở:   + Dự báo đúng xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội; xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội phù hợp, giải quyết hài hoà các quan hệ xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội và xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.  + Nắm bắt, định hướng dư luận xã hội phục vụ cho công tác tư tưởng; điều chỉnh chính sách, pháp luật; hướng tới sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận cao trong xã hội – tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật…  + Giải quyết tốt vấn đề dân số và phát triển bền vững.  - Cung cấp bằng chứng thuyết phục để đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch kịp thời, có hiệu quả trong tình hình mới.  \* *Nâng cao năng lực ra quyết định lãnh đạo, quản lý dựa trên bằng chứng khoa học và bám sát thực tiễn.*  - Đối với Đảng: Nâng cao bản lĩnh, năng lực dự báo và chất lượng công tác hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng phát triển của thời đại.  - Đối với Nhà nước: Tăng cường năng lực dự báo, phân tích và đề xuất chính sách dựa trên luận cứ khoa học và thực tiễn trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.  **2.2. Pháp luật Việt Nam về tăng cường sử dụng xã hội học trong công tác lãnh đạo, quản lý**  - Quy định đánh giá tác động xã hội trước khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm:  + Đánh giá tác động ở một số khía cạnh xã hội quan trọng như dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội, chính sách dân tộc (nếu có) và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.  + Đánh giá tác động về kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và việc thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới.  - Quy định sử dụng phương pháp xã hội học, bao gồm phương pháp định lượng và định tính trong đánh giá tác động xã hội. Ưu tiên sử dụng phương pháp định lượng. Nếu không áp dụng phương pháp định lượng thì báo cáo đánh giá tác động phải nêu rõ lý do.  - Mở rộng yêu cầu đánh giá tác động chính sách đối với Nghị định, nghị quyết và điều chỉnh đánh giá tác động của chính sách từ giai đoạn lập đề nghị sang giai đoạn soạn thảo. |
| **CHCL 3. Cán bộ LĐQL cần làm gì để tăng cường sử dụng xã hội học trong LĐQL?** | *(Thảo luận nhóm để vận dụng kiến thức chuyên đề giải quyết tình huống lãnh đạo, quản lý cụ thể trong thực tiễn; giảng viên neo chốt nội dung thảo luận)*  **3.1. Vấn đề đặt ra trong sử dụng xã hội học phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý tại địa phương**   * Thực trạng việc sử dụng xã hội học trong công tác lãnh đạo, quản lý tại địa phương/đơn vị. * Vấn đề đặt ra và nguyên nhân.   (*Gợi ý*: Nhận thức và trách nhiệm; Năng lực sử dụng; Nguồn lực để triển khai; Tổ chức vận dụng).   * Giải pháp để giải quyết vấn đề.   **3.2. Yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tổ chức sử dụng xã hội học trong công tác lãnh đạo, quản lý**   * Nâng cao nhận thức về sự cần thiết sử dụng xã hội học trong công tác lãnh đạo, quản lý. * Lập kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện. * Tổng kết và đánh giá. * Nâng cao năng lực sử dụng xã hội học. |

**7. Yêu cầu với học viên**

* Đọc và nghiên cứu đề cương môn học, tài liệu học tập theo hướng dẫn trước giờ lên lớp (ở Mục 5).
* Trả lời các câu hỏi trước giờ lên lớp (ở Mục 6).
* Tập trung nghe giảng, tích cực trao đổi và thảo luận.

## II. Chuyên đề 2

**1. Tên chuyên đề:**CẤU TRÚC XÃ HỘI VÀ PHÂN TẦNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

**2. Thời gian:** 5 tiết

**3. Mục tiêu:** Chuyên đề này cung cấp cho học viên:

***- Về kiến thức:***

***+*** Kiến thức cơ bản của xã hội học về cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội.

+ Xu hướng biến đổi căn bản của cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội ở Việt Nam và quan điểm của Đảng về xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội hiện nay.

* ***Về kỹ năng:***

+ Đánh giá vấn đề đặt ra trong cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội tại địa phương; phân tích nguyên nhân của vấn đề; đề xuất giải pháp để xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội.

+ Xác định yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tham gia chỉ đạo, điều hành việc xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý và kiểm soát phân tầng xã hội tại địa phương.

* ***Về tư tưởng:***

+ Tin tưởng, sẵn sàng bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội.

+ Chủ động và trách nhiệm tham gia chỉ đạo, điều hành việc xây dựng cơ cấu xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội ở địa phương.

**4. Chuẩn đầu ra và đánh giá người học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra** | **Đánh giá người học** | |
| **Yêu cầu đánh giá** | **Hình thức đánh giá** |
| Sau chuyên đề, học viên sẽ:  ***- Về kiến thức:***  + Nắm được kiến thức cơ bản của xã hội học về cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội.  + Hiểu được căn cứ của việc xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội.  + Nắm được xu hướng biến đổi căn bản của cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội ở Việt Nam; quan điểm của Đảng về xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội trong bối cảnh hiện nay. | - Trình bày được kiến thức cơ bản của xã hội học về cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội.  - Phân tích được các điều kiện cần để xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, các giải pháp cần để kiểm soát phân tầng xã hội.  - Luận giải được quan điểm của Đảng về xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội trong điều kiện Việt Nam.  - Đánh giá được vấn đề đặt ra trong cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội tại địa phương; phân tích được nguyên nhân; đề xuất được giải pháp để xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội.  - Xác định được yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tổ chức xây dựng cơ cấu xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội tại địa phương. | * Thi viết; * Thi vấn đáp; * Viết thu hoạch. |
| ***- Về kỹ năng:***  + Đánh giá được vấn đề đặt ra trong cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội tại địa phương; phân tích được nguyên nhân; đề xuất được giải pháp để xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội.  + Xác định được yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tổ chức việc xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý và kiểm soát phân tầng xã hội tại địa phương. |
| ***- Về tư tưởng:***  + Tin tưởng, sẵn sàng bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng cơ cấu xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội.  + Chủ động, trách nhiệm trong tổ chức xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội. |

**5. Tài liệu học tập**

***5.1. Tài liệu phải đọc***

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý*. NXB Lý luận Chính trị, 2021, tr 44 - 82.
* Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, tập 1, tr 50, 148, 166-167, 265; tập 2, tr 135.

***5.2. Tài liệu nên đọc***

* Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
* Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030.
* Bộ Chính trị: Nghị quyết số 41-NQ/TW Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 10/10/2023 về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới.
* Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

**6. Nội dung**

| **Câu hỏi cốt lõi** | **Nội dung cốt lõi** | **Câu hỏi kiểm tra quá trình học tập của học viên** |
| --- | --- | --- |
| **CHCL 1.**  **Xây dựng cơ cấu xã hội (cấu trúc xã hội) hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội bao gồm những nội dung nào?** | * 1. **Nội dung xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý**   \* ***Cơ cấu xã hội hợp lý***   * Cơ cấu xã hội là tập hợp thống nhất, tương đối bền vững các thành tố xã hội thiết yếu và mối quan hệ giữa các thành tố đó hình thành nên khuôn khổ vận động và phát triển của xã hội. * Cơ cấu xã hội hợp lý là cơ cấu có thành phần phù hợp (vị thế, vai trò và đảm nhận vai trò) cả về số lượng và chất lượng, mối quan hệ xã hội giữa các thành phần hài hoà trên nguyên tắc hỗ trợ nhau cùng phát triển, nhờ đó xã hội được tổ chức, duy trì có trật tự, đạt trạng thái cân bằng và gắn kết, vận hành có hiệu quả. * Cần xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý vì cơ cấu xã hội không hợp lý dẫn đến sự vận hành không hiệu quả, gia tăng bất bình đẳng, tiềm ẩn mâu thuẫn và xung đột xã hội.   ***\* Điều kiện để xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý***  - Dịch chuyển cơ cấu kinh tế phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn; Môi trường cạnh tranh bình đẳng và phân bổ lợi ích công bằng.  - Môi trường dân chủ, đảm bảo quyền phát triển của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt công bằng về pháp luật.  - Trình độ dân trí được cải thiện; hình thành hệ giá trị chung, tạo sự gắn kết xã hội.   * 1. **Nội dung kiểm soát phân tầng xã hội**   \* ***Phân tầng xã hội***  - Phân tầng xã hội là sự phân chia xã hội thành các tầng lớp khác nhau dựa vào các tiêu chí như vị thế kinh tế, chính trị và uy tín xã hội.  - Nguồn gốc của phân tầng xã hội là từ phân công lao động xã hội và những khác biệt về cơ may thị trường, năng lực và sự cống hiến, các điều kiện về kinh tế, văn hoá và chính trị khác.  - Hệ quả của phân tầng xã hội là làm gia tăng bất bình đẳng xã hội, nếu sự phân hoá giữa các tầng nghiêm trọng sẽ dẫn đến mất niềm tin, triệt tiêu động lực, làm nảy sinh mâu thuẫn và xung đột xã hội, tiềm ẩn bất ổn xã hội.  ***\* Kiểm soát phân tầng xã hội***  - Áp dụng các biện pháp vừa đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng, phân bổ lợi ích xã hội công bằng, vừa giảm thiểu sự bất bình đẳng cơ hội phát triển và thụ hưởng thành tựu phát triển để tạo động lực cho mọi tầng lớp xã hội.  - Mục đích nhằm duy trì sự phân hoá giữa các tầng xã hội trong ngưỡng hợp lý, không dẫn đến bất bình đẳng xã hội nghiêm trọng.  ***\* Điều kiện để kiểm soát phân tầng xã hội***  - Đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng và đảm bảo công bằng trong phân phối trên cơ sở năng lực, kết quả; Công cụ thuế, phí được sử dụng để ngăn chặn sự phân cực xã hội, hình thành quỹ chi tiêu xã hội.  - Phòng, chống tham nhũng và các hành vi tiêu cực có hiệu quả; Giảm nghèo bền vững và đảm bảo tiếp cận bình đẳng đối với các dịch vụ xã hội cơ bản.  - Xây dựng môi trường đề cao giá trị cộng đồng, trách nhiệm xã hội, tinh thần hợp tác, tương thân tương ái. | **Câu hỏi trước giờ lên lớp**   1. Vì sao cán bộ lãnh đạo, quản lý cần tổ chức thực hiện việc xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý và kiểm soát phân tầng xã hội? 2. Việc xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý và kiểm soát phân tầng xã hội ở Việt Nam cần dựa trên cơ sở khoa học và chính trị như thế nào? 3. Vấn đề đặt ra trong cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội tại địa phương là gì? 4. Để xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý và kiểm soát phân tầng xã hội tại địa phương, cần có những giải pháp như thế nào?   **Câu hỏi sau giờ lên lớp**   1. Với vị trí công tác hiện nay, đồng chí sẽ làm gì để xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội tại địa phương. |
| **CHCL 2. Quan điểm của Đảng về xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội tại Việt Nam như thế nào?** | **2.1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý ở Việt Nam**  *\** ***Nhận thức của Đảng về xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý ở Việt Nam***  - Cơ cấu xã hội đang biến đổi cả về số lượng, chất lượng; có sự phân hoá ngay trong từng giai tầng, nhóm xã hội, giữa các vùng miền.  - Bảo đảm cơ cấu xã hội hợp lý góp phần tạo điều kiện để các giai tầng cùng phát triển, đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội.  *\** ***Định hướng xây dựng cơ cấu xã hội giai tầng hợp lý***  - Mục tiêu đặt ra: Xây dựng cơ cấu đa dạng, nhiều tầng lớp:  + Giai cấp công nhân phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá, cách mạng công nghiệp 4.0.  + Giai cấp nông dân có năng lực và phát huy vai trò chủ thể trong thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.  + Đội ngũ tri thức lớn mạnh, có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển.  + Đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng, chất lượng, có tầm nhìn, trí tuệ, đạo đức, tinh thần kinh doanh, năng động, sáng tạo, tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm xã hội, đóng góp xứng đáng cho các mục tiêu phát triển.  - Giải pháp để xây dựng cơ cấu xã hội giai tầng  + Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; Thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; Tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, an toàn, bình đẳng; Thúc đẩy hợp tác, liên kết giữa các viện, trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân.  + Tăng cường dân chủ cơ sở; Đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp và người lao động; Ghi nhận kinh tế tư nhân là trụ cột, đề cao vai trò của doanh nhân; Khuyến khích làm giàu theo pháp luật và phát triển mạnh tầng lớp trung lưu gắn với nâng cao trách nhiệm xã hội; Tạo điều kiện cho đội ngũ doanh nhân có đại diện tham gia cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hợp pháp khác.  + “Phát huy giá trị văn hóa, bản lĩnh, trí tuệ con người Việt Nam”; Xây dựng công nhân, trí thức và doanh nhân xung kích; Nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ của trí thức; Khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng doanh nhân, xây dựng đạo đức, văn hoá kinh doanh; Đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới; Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, tương thân, tương ái.  *\** ***Định hướng xây dựng cơ cấu xã hội - nghề nghiệp hợp lý***  - Mục tiêu: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn:  + Giảm tỉ trọng lao động nông nghiệp còn 20% vào năm 2025. Dịch chuyển cơ cấu nghề nghiệp phù hợp với cơ cấu kinh tế. Ưu tiên chuyển đổi nghề nghiệp tại chỗ.  + Tăng tỉ trọng lao động qua đào tạo: Lên 70% vào năm 2025.  + Thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%.   * Giải pháp để xây dựng cơ cấu xã hội - nghề nghiệp hợp lý:   + Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học công nghệ, tri thức, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao; “Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh… Ưu tiên phát triển công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao”, “phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao. Phát triển mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái”.  + Đẩy mạnh và ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.  + Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường; Xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời.  **2.2.** **Quan điểm của Đảng về kiểm soát phân tầng xã hội ở Việt Nam**  \* ***Quan điểm của Đảng về kiểm soát phân tầng xã hội***:   * Chấp nhận xã hội tồn tại phân tầng xã hội và phân hoá giàu nghèo ở mức hợp lý để tạo động lực phát triển. * Có giải pháp để kiểm soát phân tầng xã hội và giải quyết hài hoà quan hệ xã hội, các vấn đề xã hội nảy sinh, tạo điều kiện phát triển bình đẳng. * Khuyến khích làm giàu theo pháp luật, giảm nghèo bền vững; Phát triển mạnh tầng lớp trung lưu; Giảm dần sự phân hoá giàu nghèo.   \* ***Giải pháp kiểm soát phân tầng xã hội***  - Khuyến khích làm giàu chính đáng, giảm nghèo bền vững; Phân bổ lợi ích công bằng và điều tiết lợi ích thông qua thuế, phí; Thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển; Đảm bảo hài hoà giữa quyền và trách nhiệm, giữa đóng góp và thụ hưởng.   * Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, không có vùng cấm; Xử lý hài hòa các quan hệ xã hội, giải quyết kịp thời, có hiệu quả các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nhân dân; Tạo điều kiện cho mọi người, nhất là nhóm yếu thế tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. * Phát huy truyền thống tương thân tương ái, đoàn kết, hỗ trợ; Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong nâng cao hiệu quả của chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội. |
| **CHCL 3:**  **Cán bộ lãnh đạo quản lý cần làm gì để thúc đẩy việc xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội tại địa phương?** | *(Thảo luận nhóm để vận dụng kiến thức chuyên đề giải quyết tình huống lãnh đạo, quản lý trong thực tiễn; giảng viên neo chốt nội dung thảo luận)*  **3.1. Vấn đề đặt ra trong cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội tại địa phương**   * Thực trạng cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội tại địa phương.   - Vấn đề đặt ra và nguyên nhân.  - Các giải pháp để giải quyết vấn đề (*Gợi ý*: Kinh tế, chính trị và văn hoá).  **3.2. Yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành việc xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội**  **-** Quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý, kiểm soát phân tầng xã hội.  - Lập kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.   * Tổng kết và đánh giá. * Xây dựng bộ máy và nâng cao năng lực của bộ máy. |

**7. Yêu cầu với học viên**

* Đọc và nghiên cứu đề cương môn học, tài liệu học tập theo hướng dẫn trước giờ lên lớp (ở Mục 5).
* Trả lời các câu hỏi trước giờ lên lớp (ở Mục 6).
* Tập trung nghe giảng, tích cực trao đổi và thảo luận.

## III. Chuyên đề 3

**1. Tên chuyên đề:**DƯ LUẬN XÃ HỘI VÀ TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG VỚI LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

**2. Thời gian:** 5 tiết

**3. Mục tiêu:** Chuyên đề này cung cấp cho học viên:

***- Về kiến thức:***

+ Kiến thức cơ bản về dư luận xã hội và truyền thông; cơ sở khoa học của việc nắm bắt, định hướng dư luận xã hội trong công tác lãnh đạo, quản lý.

+ Quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nắm bắt, định hướng dư luận xã hội trong công tác lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam hiện nay.

* ***Về kỹ năng:***

+ Đánh giá ưu điểm và hạn chế của nắm bắt, định hướng dư luận xã hội tại địa phương; phân tích nguyên nhân của vấn đề; đề xuất giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế.

+ Xác định được yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành việc nắm bắt, định hướng dư luận xã hội.

* ***Về tư tưởng:***

+ Tin tưởng, sẵn sàng bảo vệ quan điểm của Đảng về nắm bắt, định hướng dư luận xã hội.

+ Chủ động, tích cực chỉ đạo, điều hành việc nắm bắt, định hướng dư luận xã hội phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý.

**4. Chuẩn đầu ra và đánh giá người học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra** | **Đánh giá người học** | |
| **Yêu cầu đánh giá** | **Hình thức đánh giá** |
| Sau chuyên đề, học viên sẽ:  ***- Về kiến thức:***  + Hiểu được kiến thức cơ bản của xã hội học về dư luận xã hội và truyền thông trong lãnh đạo, quản lý.  + Nắm chắc cơ sở khoa học và chính trị của việc nắm bắt, định hướng dư luận xã hội trong công tác lãnh đạo, quản lý. | - Trình bày được bản chất và chức năng của dư luận xã hội, các loại hình truyền thông và mối quan hệ của truyền thông với dư luận xã hội.  - Phân tích được cơ sở khoa học và chính trị của việc nắm bắt, định hướng dư luận xã hội trong công tác lãnh đạo, quản lý.  - Đánh giá được ưu điểm, hạn chế của nắm bắt, định hướng dư luận xã hội trong thực tiễn; Phân tích được nguyên nhân; Đề xuất được các giải pháp.  - Xác định được yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành việc nắm bắt, định hướng dư luận xã hội. | * Thi viết; * Thi vấn đáp; * Viết thu hoạch. |
| ***- Về kỹ năng:***  + Đánh giá được ưu điểm và hạn chế của nắm bắt, định hướng dư luận xã hội trong công tác lãnh đạo, quản lý; Phân tích được nguyên nhân; Đề xuất được các giải pháp để nắm bắt, định hướng dư luận xã hội tốt hơn.  + Xác định được yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành việc nắm bắt, định hướng dư luận xã hội. |
| ***- Về tư tưởng:***  ***+*** Tin tưởng, sẵn sàng bảo vệquan điểm của Đảng về nắm bắt, định hướng dư luận xã hội.  + Chủ động, tích cực chỉ đạo, điều hành việc nắm bắt, định hướng dư luận xã hội trong công tác lãnh đạo, quản lý. |

**5. Tài liệu học tập**

***5.1. Tài liệu phải đọc***

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý*. NXB Lý luận Chính trị, 2021, tr 8 - 123.
* Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB. Chính trị quốc gia, 2021 tập 1, tr 91, 108-109.

***5.2. Tài liệu nên đọc***

* **Ban Bí thư Trung ương: Kết luận số 100-KL/TW, ngày 18/8/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc “đổi mới và nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội”**
* **Ban Tuyên giáo Trung ương: Hướng dẫn số 167-HD/BTGTW ngày 26/12/2015 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện Kết luận số 100-KL/TW, ngày 18/8/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc “đổi mới và nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội”.**
* Bộ Chính trị: Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.
* Ban Chấp hành Trung ương: Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”.

**6. Nội dung**

| **Câu hỏi cốt lõi** | **Nội dung cốt lõi** | **Câu hỏi kiểm tra quá trình học tập của học viên** |
| --- | --- | --- |
| **CHCL 1.**  **Nội dung và căn cứ nắm bắt, định hướng dư luận xã hội trong công tác lãnh đạo, quản lý là gì?** | **1.1. Nội dung nắm bắt, định hướng dư luận xã hội**  *\* Nội dung của việc nắm bắt dư luận xã hội:*  - Bản chất của nắm bắt dư luận xã hội:  + Nhận biết các vấn đề cần được giải quyết.  + Tìm hiểu nhu cầu, nguyện vọng, quan điểm, thái độ, phản ứng xã hội.  + Nhận biết và tìm hiểu nguồn gốc của căng thẳng, xung đột xã hội.  + Học hỏi và nhận biết sai để điểu chỉnh.   * Các thức nắm bắt dư luận xã hội:   + Xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo.  + Tiếp xúc và đối thoại với người dân, cử tri và báo chí.  + Tổng hợp dư luận trên báo chí, mạng xã hội thông tin qua đường dây nóng và các nền tảng công nghệ.  + Điều tra khảo sát.  + Nắm bắt thông qua đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội tại cơ sở.  + Tổ chức họp báo và tổ chức giao ban báo chí.  \* *Nội dung của việc định hướng dư luận xã hội*:  - Bản chất của định hướng dư luận xã hội:  + Làm thay đổi ý kiến, quan điểm, thái độ và hành vi xã hội “chưa đúng”.  + Phát triển ý kiến, quan điểm từ các ý kiến, quan điểm chưa hoàn thiện.  + Củng cố, bảo vệ các ý kiến, quan điểm đúng đắn, lành mạnh có sẵn.  + Thống nhất nhận thức, củng cố niềm tin, thúc đẩy đồng thuận xã hội.  - Cách thức sử dụng truyền thông để định hướng dư luận xã hội:  + Kiểm soát và hạn chế sai lệch khi truyền tải hoặc tiếp nhận thông điệp (mã hoá và giải mã thông điệp).  + Cung cấp thông tin khách quan, tin cậy, toàn diện và cập nhật nhằm dẫn dắt quá trình hình thành dư luận xã hội.  + Phát hiện và xử lý tin giả trên truyền thông.  + Tạo diễn đàn và định hướng việc thảo luận công khai.   * 1. **Căn cứ nắm bắt, định hướng dư luận xã hội**   - Căn cứ các cơ chế hình thành dư luận xã hội, bao gồm cơ chế truyền tin và giải quyết vấn đề để xây dựng kế hoạch nắm bắt, định hướng dư luận xã hội hội hiệu quả.  - Căn cứ các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành dư luận xã hội để lựa các chọn phương pháp nắm bắt, định hướng dư luận xã hội phù hợp. Cụ thể cần cân nhắc:  + Bản chất của vấn đề nảy sinh dư luận xã hội.  + Hệ giá trị, quan điểm và lập trường, trình độ và năng lực, trách nhiệm và đạo đức, lợi ích và động cơ của chủ thể tham gia thảo luận ý kiến.  + Bối cảnh chính trị và xã hội nảy sinh dư luận xã hội. | **Câu hỏi trước giờ lên lớp**   1. Tại sao cán bộ lãnh đạo, quản lý cần nắm bắt, định hướng dư luận? 2. Việc nắm bắt, định hướng dư luận xã hội phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam dựa trên cơ sở khoa học và chính trị như thế nào? 3. Vấn đề đặt ra trong nắm bắt, định hướng dư luận xã hội phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý tại địa phương hiện nay là gì? Cần có những giải pháp như thế nào để giải quyết vấn đề trên?   **Câu hỏi sau giờ lên lớp**   1. Với vị trí công tác hiện nay, đồng chí sẽ làm gì để tăng cường việc nắm bắt, định hướng dư luận xã hội tại địa phương/đơn vị? |
| **CHCL 2. Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về nắm bắt, định hướng dư luận xã hội đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý như thế nào?** | * 1. **Mục đích của nắm bắt, định hướng dư luận xã hội** * Phục vụ công tác tư tưởng; Hướng đến đảm bảo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận cao trong xã hội. * Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách và pháp luật. * Góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm trong sạch bộ máy. * Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch.   1. **Yêu cầu và nguyên tắc tổ chức nắm bắt dư luận xã hội** * **Y**êu cầu đối với tổ chức nắm bắt dư luận xã hội:   + Bám sát thực tiễn; Đảm bảo tính xác thực và độ tin cậy; Đảm bảo tính đại diện; Đảm bảo tính kịp thời.  + Đa dạng hoá hình thức và phương pháp nắm bắt.  + Chú trọng chuyên môn, nghiệp vụ; Tổng hợp, phân tích, so sánh, dự báo, đề xuất, kiến nghị.  + Tăng cường sự phối hợp giữa các bên liên quan.   * Nguyên tắc tổ chức nắm bắt dư luận xã hội:   + Bảo vệ, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân trực tiếp phản ánh, góp ý về công tác cán bộ; giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng và chính quyền.  + Phát huy vai trò, nâng cao chất lượng phản biện xã hội của nhân dân trong xây dựng, giám sát thực hiện pháp luật.  + Thực hiện nghiêm tiếp, đối thoại với công dân; tiếp nhận và kịp thời chỉ đạo giải quyết các vấn đề nhân dân phản ánh, khiếu kiện.  + Ứng dụng công nghệ trong công tác dư luận xã hội.   * 1. **Yêu cầu sử dụng truyền thông định hướng dư luận xã hội** * Chủ động, kịp thời cung cấp thông tin thiết yếu, tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân. * Phát huy vai trò của báo chí truyền thông; hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý và sử dụng internet, mạng xã hội. * Tăng cường quản lý truyền thông: Quy hoạch phát triển, quản lý báo chí, xuất bản đồng bộ; Tăng cường định hướng và đề cao sứ mệnh, trách nhiệm, nâng cao chất lượng hoạt động của báo chí, quản lý chặt chẽ trang tin điện tử. * Xử lý nghiêm việc lợi dụng Internet, mạng xã hội để xuyên tạc sự thật, kích động, gây rối, chia rẽ đoàn kết nội bộ. * Quản lý và đề cao trách nhiệm cá nhân cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong việc lập và sử dụng mạng xã hội trên Internet. |
| **CHCL 3. Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần làm gì để tăng cường nắm bắt, định hướng dư luận xã hội phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý?** | *(Thảo luận nhóm để vận dụng kiến thức chuyên đề giải quyết tình huống lãnh đạo, quản lý cụ thể trong thực tiễn; giảng viên neo chốt nội dung thảo luận)*  **3.1. Vấn đề đặt ra trong nắm bắt, định hướng dư luận xã hội**  - Thực trạng nắm bắt, định hướng dư luận xã hội.  (*Gợi ý*: Trong công tác tư tưởng; quá trình xây dựng/tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách và pháp luật; tuyên truyền, giáo dục, vận động; xây dựng, chỉnh đốn Đảng và làm trong sạch bộ máy).  - Vấn đề đặt ra và nguyên nhân.  (*Gợi ý*: Nhận thức và trách nhiệm; Năng lực chuyên môn; Nguồn lực để triển khai; Chỉ đạo, điều hành).  - Giải pháp để giải quyết vấn đề.  **3.2. Yêu cầu đối với các cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành nắm bắt, định hướng dư luận xã hội**   * Quán triệt quan điểm của Đảng về nắm bắt, định hướng dư luận xã hội trong công tác lãnh đạo, quản lý. * Lập kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện, * Tổng kết và đánh giá. * Xây dựng bộ máy và nâng cao năng lực của bộ máy. |

**7. Yêu cầu với học viên**

* Đọc và nghiên cứu đề cương môn học, tài liệu học tập theo hướng dẫn trước giờ lên lớp (Mục 5).
* Trả lời các câu hỏi trước giờ lên lớp (ở Mục 6).
* Tập trung nghe giảng, tích cực trao đổi và thảo luận.

## IV. Chuyên đề 4

### **1. Tên chuyên đề:CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRONG LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ**

### **2. Thời gian**: 5 tiết

### **3. Mục tiêu:** Chuyên đề này cung cấp cho học viên:

* ***Về kiến thức:***

+ Cơ sở khoa học của việc xây dựng, thực hiện chính sách xã hội.

+ Quan điểm của Đảng về xây dựng và thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam trong tình hình mới.

* ***Về kỹ năng:***

+ Nhận diện vấn đề đặt ra trong xây dựng, thực hiện chính sách xã hội; phân tích nguyên nhân; đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề.

+ Xác định yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành việc xây dựng, thực hiện chính sách xã hội.

* ***Về tư tưởng:***

+ Tin tưởng vào quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng, thực hiện chính sách xã hội.

+ Chủ động, trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành việc xây dựng, thực hiện chính sách xã hội tại địa phương.

1. **Chuẩn đầu ra và đánh giá người học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra** | **Đánh giá người học** | |
| **Yêu cầu đánh giá** | **Hình thức đánh giá** |
| Sau chuyên đề, học viên sẽ:  ***- Về kiến thức:***  + Hiểu được cơ sở khoa học của việc xây dựng và thực hiện chính sách xã hội.  + Luận giải được quan điểm của Đảng về xây dựng, thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam. | * Trình bày được bản chất của chính sách xã hội và yêu cầu đối với xây dựng, thực hiện chính sách xã hội. * Phân tích được quan điểm của Đảng về đổi mới nội dung, phương thức xây dựng, thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam. * Nhận diện được vấn đề đặt ra trong xây dựng, thực hiện chính sách xã hội; phân tích được nguyên nhân; đề xuất được giải pháp để giải quyết vấn đề. * Xác định được yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành việc xây dựng, thực hiện chính sách xã hội tại địa phương. | * Thi viết; * Thi vấn đáp; * Viết thu hoạch. |
| ***- Về kỹ năng:***  + Nhận diện được vấn đề đặt ra trong xây dựng, thực hiện chính sách xã hội; phân tích được nguyên nhân; đề xuất được các giải pháp;  + Xác định được yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành việc xây dựng, thực hiện chính sách xã hội tại địa phương. |
| ***- Về tư tưởng:***  ***+*** Tin tưởng vào quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới và nâng cao chất lượng xây dựng, thực hiện chính sách xã hội.  + Chủ động, trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành việc xây dựng, thực hiện chính sách xã hội tại địa phương. |

**5. Tài liệu học tập**

#### **5.1. Tài liệu phải đọc**

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý*. NXB Lý luận Chính trị, 2021, tr 163 - 203.
* Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, tập 1, tr 115, 136-140, 148-151, 231-234, 265, 269-270; tập 2, tr 336.

**5.2. Tài liệu nên đọc**

* Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.
* Quốc hội: Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 29/6/2020 của Quốc hội về Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.
* Quốc hội: Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội: Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.
* Quốc hội: Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội: Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

**6. Nội dung**

| **Câu hỏi cốt lõi** | **Nội dung cốt lõi** | **Câu hỏi kiểm tra quá trình học tập của học viên** |
| --- | --- | --- |
| **CHCL 1.**  **Xây dựng, thực hiện chính sách xã hội cần tuân thủ nguyên tắc nào?** | * 1. **Chính sách xã hội** * Là chính sách của nhà nước tập trung giải quyết các vấn đề xã hội, đáp ứng nhu cầu và tạo cơ hội phát triển cho tất cả mọi người nhằm cải thiện chất lượng sống của người dân và cộng đồng, thúc đẩy tiến bộ và gắn kết xã hội, tạo lập các điều kiện để phát triển bền vững. * Bao phủ nhiều lĩnh vực, bao gồm chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, giảm nghèo, bảo trợ xã hội, an sinh xã hội, cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản. * Phản ánh bản chất nhân văn, tính ưu việt của chế độ xã hội và tính trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của nhân dân thông qua:   + Cách thức phân bổ và sử dụng nguồn lực công để giải quyết các vấn đề xã hội.  + Quan tâm và bảo vệ đối với các nhóm xã hội yếu thế.  + Giá trị ưu tiên trong định hướng sự phát triển xã hội.  + Vị trí, vai trò của chính quyền trong chăm lo, phục vụ người dân.  **1.2. Nguyên tắc xây dựng, thực hiện chính sách xã hội**  - Bảo đảm quyền con người, nghĩa là bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của tất cả mọi người.  - Đảm bảo sự công bằng, bình đẳng. Trên cơ sở giải quyết hài hoà các mối quan hệ về quyền, lợi ích giữa các giai tầng, dân tộc, tôn giáo, vùng miền, hướng đến mục tiêu đạt được tiến bộ và gắn kết xã hội.  - Đảm bảo tính toàn diện, bao trùm. Nghĩa là chính sách xã hội cần toàn diện, bao trùm tất cả các lĩnh vực diễn ra hoạt động của con người.  - Đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả chính sách (do theo đuổi đa mục tiêu nhưng điều kiện nguồn lực có hạn). | **Câu hỏi trước giờ lên lớp**   1. Bản chất của chính sách xã hội là gì? Tại sao cán bộ lãnh đạo, quản lý cần chỉ đạo, điều hành việc xây dựng, thực hiện chính sách xã hội? 2. Việc xây dựng, thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam cần dựa trên cơ sở khoa học, chính trị nào? 3. Vấn đề đặt ra trong xây dựng, thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam/địa phương hiện nay là gì? Cần có các giải pháp nào để giải quyết vấn đề trên?   **Câu hỏi sau giờ lên lớp**   1. Với cương vị công tác hiện nay, đồng chí sẽ làm gì để tổ chức tốt việc xây dựng, thực hiện chính sách xã hội tại địa phương? |
| **CHCL 2. Quan điểm của Đảng về xây dựng, thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam như thế nào?** | **2.1. Về xây dựng, thực hiện chính sách xã hội**   * Chính sách xã hội là bộ phận quan trọng trong hệ thống chính sách của nhà nước, bao trùm mọi mặt của cuộc sống, lấy phục vụ con người làm mục đích cao nhất. * Đầu tư cho chính sách xã hội là đầu tư cho phát triển. * Xây dựng, thực hiện chính sách xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn xã hội.   **2.2. Về nguyên tắc xây dựng, thực hiện chính sách xã hội hiện nay**   * **Lấy con người làm trung tâm:** “Chính sách xã hội nhằm phát huy mọi khả năng của con người và lấy phục vụ con người làm mục đích cao nhất. Coi nhẹ chính sách xã hội là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc” (Văn kiện Đại hội Đảng VI). “Chính sách xã hội là chính sách chăm lo cho con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể, mục tiêu, động lực, nguồn lực để phát triển bền vững đất nước” (Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023). * **Căn cứ vào cơ cấu xã hội:**   **+** “Xây dựng và thực hiện các *chính sách phù hợp với các giai tầng xã hội”* (Văn kiện Đại Đảng XII)*.*  + “Đổi mới cơ chế, huy động phân bổ và đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp dân cư, nhóm xã hội, bảo đảm bình đẳng về cơ hội phát triển…” (Văn kiện Đại hội Đảng XIII).   * **Gắn kết với chính sách kinh tế, mục tiêu tăng trưởng kinh tế:** Tăng trưởng kinh tế cung cấp các điều kiện vật chất quan trọng để xây dựng, thực hiện chính sách xã hội. Đồng thời, phát triển con người và xã hội cung cấp nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế bền vững.   + **“**Điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội là trình độ phát triển kinh tế, đặc biệt gắn chính sách xã hội với chính sách kinh tế” (Văn kiện Đại hội Đảng VI).  **+** Tăng tưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển; Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu (Văn kiện Đại hội Đảng VIII).  **+** Gắn quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững cho phát triển kinh tế xã hội; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển; kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; Tập trung giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc và thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế (Văn kiện Đại hội Đảng X).  **+** “Chính sách xã hội hướng đến “ổn định và phát triển”;“Tăng trưởng kinh tế gắn với *bảo đảm* chính sách xã hội” (Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023).   * **Phù hợp văn hoá, truyền thống, điều kiện tự nhiên - xã hội:** Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”. * **Phát huy nội lực, ngoại lực:** Các vấn đề xã hội được giải quyết theo tinh thần xã hội hoá (Văn kiện Đại hội Đảng VIII). “Chú trọng huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, phù hợp với khả năng của nền kinh tế, thu nhập của Nhân dân, trong đó nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ đạo, nguồn lực của xã hội là quan trọng; kết hợp nguồn lực trong nước và ngoài nước (Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023). * **Quản lý có hiệu quả:**   + Giải quyết hài hòa các mối quan hệ xã hội; ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội gây bức xúc, những mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội; Khắc phục xu hướng gia tăng phân hóa giàu – nghèo, đảm bảo sự ổn định và phát triển xã hội bền vững (Văn kiện Đại hội Đảng XII).  + “Xây dựng và thực hiện chính sách xã hội phải đặt trong tổng thể quản lý phát triển xã hội bền vững; giải quyết hài hoà các quan hệ xã hội, kiểm soát phân hoá xã hội, bảo đảm an sinh cho nhân dân trong quá trình phát triển” (Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023).  **2.3. Về định hướng của Đảng đối với một số chính sách xã hội**  ***\* Chính sách ưu đãi người có công với cách mạng***   * Chú trọng thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công, nhất là người ở vùng sâu, vùng xa, người gặp khó khăn trong cuộc sống. * Nâng mức chuẩn trợ cấp, phụ cấp ưu đãi; ưu tiên và tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân tiếp cận các dịch vụ xã hội. Bảo đảm người có công và gia đình người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên. * Phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, khuyến khích tổ chức, cá nhân và xã hội tích cực tham gia phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”.   ***\* Chính sách giảm nghèo***   * Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bao trùm, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. * Bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. * Nghiên cứu, triển khai cơ chế thí điểm phân cấp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cho cấp huyện; đổi mới cách tiếp cận giảm nghèo.   ***\* Chính sách bảo hiểm xã hội***   * Xác định bảo hiểm xã hội là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội. * Hướng tới bảo hiểm xã hội toàn dân. * Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng hiện đại, hội nhập quốc tế, kết hợp hài hòa nguyên tắc đóng và hưởng, đảm bảo công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. * Bảo đảm hệ thống tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao tính hấp dẫn, sự hài lòng của người dân. * Khẳng định trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và từng người dân.   ***\* Chính sách giáo dục đào tạo***   * Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu.*Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển* (Văn kiện Đại hội Đảng XIII). * Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. * Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo:   + Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và cơ hội học tập suốt đời.  + Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học.  + Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục.  + Phát triển mạng lưới trường lớp, thúc đẩy xã hội hoá.  ***\* Chính sách y tế***   * Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hội nhập; bảo đảm tiếp cận và chăm sóc sức khoẻ cho mọi người, hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. * Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khoẻ tâm thần, chăm sóc sức khoẻ phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em. * Khám sức khoẻ định kỳ cho nhân dân; quản lý bệnh mạn tính cho người cao tuổi; giải quyết suy dinh dưỡng ở trẻ em; nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam. * Bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. * Phòng ngừa dịch bệnh hiệu quả, bảo đảm an ninh y tế. * Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý.   ***\* Chính sách lao động và việc làm***   * Phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, linh hoạt, thống nhất, hội nhập, có sự quản lý của Nhà nước; tạo việc làm, hướng đến việc làm bền vững. * Cải cách tổng thể, đồng bộ chính sách tiền lương theo hướng tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của kinh tế thị trường, lấy năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh là cơ sở tăng lương. * Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ, ổn định. * Xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về lao động, việc làm phù hợp thực tiễn đất nước và xu hướng của thời đại. |
| **CHCL 3.**  **Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần làm gì để tổ chức xây dựng, thực hiện tốt chính sách xã hội tại địa phương?** | *(Thảo luận nhóm để vận dụng kiến thức chuyên đề giải quyết tình huống lãnh đạo, quản lý trong thực tiễn; giảng viên neo chốt nội dung thảo luận)*  **3.1. Vấn đề đặt ra trong xây dựng, thực hiện chính sách xã hội tại địa phương** (Chọn 1 chính sách cụ thể).   * Thực trạng xây dựng, thực hiện chính sách xã hội . * Vấn đề đặt ra và nguyên nhân.   (*Gợi ý*: Về chính sách, pháp luật; Tuyên truyền, vận động; Tổ chức bộ máy và cơ chế phối hợp; Nguồn lực thực hiện).   * Giải pháp để giải quyết vấn đề.   **3.2. Yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành việc xây dựng, thực hiện chính sách xã hội tại địa phương**   * Quán triệt quan điểm của Đảng. * Lập kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng kết, đánh giá việc thực hiện/lồng ghép chính sách xã hội tại địa phương/đơn vị. * Phối hợp thực hiện. * Xây dựng bộ máy và nâng cao năng lực của bộ máy. |

**7. Yêu cầu với học viên**

* Đọc và nghiên cứu đề cương môn học, tài liệu học tập theo hướng dẫn trước giờ lên lớp (ở Mục 5).
* Trả lời các câu hỏi trước giờ lên lớp (ở Mục 6).
* Tập trung nghe giảng, tích cực trao đổi và thảo luận.

## V. Chuyên đề 5

**1. Tên chuyên đề: DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN**

**2. Thời gian:** 5 tiết

**3. Mục tiêu:** Chuyên đề này cung cấp cho học viên:

***- Về kiến thức:***

***+*** Kiến thức cơ bản về dân số và phát triển.

+ Cơ sở thực tiễn và chính trị của việc chuyển trọng tâm chính sách dân số từ dân số - kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển ở Việt Nam.

+ Quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về công tác dân số và việc giải quyết các vấn đề dân số và phát triển ở Việt Nam hiện nay.

* ***Về kỹ năng:***

+ Nhận diện vấn đề “dân số và phát triển” cần được giải quyết hiện nay; phân tích nguyên nhân; và đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề đó.

+ Xác định yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành việc giải quyết các vấn đề dân số và phát triển tại địa phương.

* ***Về tư tưởng:***

+ Tin tưởng, sẵn sàng bảo vệ quan điểm của Đảng về giải quyết vấn đề dân số và phát triển ở Việt Nam.

+ Chủ động, trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành việc giải quyết vấn đề dân số và phát triển tại địa phương.

**4. Chuẩn đầu ra và đánh giá người học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra** | **Đánh giá người học** | |
| **Yêu cầu đánh giá** | **Hình thức đánh giá** |
| Sau chuyên đề, học viên sẽ:  ***- Về kiến thức:***  + Nắm được kiến thức cơ bản về dân số và phát triển.  + Hiểu được cơ sở thực tiễn và chính trị của việc chuyển trọng tâm chính sách dân số từ dân số - kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển ở Việt Nam.  + Nắm vững quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về công tác dân số và việc giải quyết các vấn đề dân số và phát triển ở Việt Nam hiện nay. | * Trình bày được khái niệm dân số, các chiều cạnh của dân số, mối quan hệ giữa dân số và phát triển, và vấn đề “dân số và phát triển” đặt ra hiện nay. * Luận giải được sự quá độ dân số ở Việt Nam và phân tích được quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về giải quyết vấn đề dân số và phát triển; công tác dân số hiện nay. * Nhận diện được vấn đề dân số và phát triển của địa phương, phân tích được nguyên nhân, đề xuất được giải pháp cho vấn đề đó. * Xác định được yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành việc giải quyết vấn đề dân số và phát triển tại địa phương. | * Thi viết; * Thi vấn đáp; * Viết thu hoạch. |
| ***- Về kỹ năng:***  + Nhận diện được vấn đề dân số và phát triển của địa phương; phân tích được nguyên nhân; và đề xuất được các giải pháp để giải quyết vấn đề.  + Xác định được yêu cầu đối với yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành việc giải quyết vấn đề dân số và phát triển tại địa phương. |
| ***- Về tư tưởng:***  ***+*** Tin tưởng và bảo vệ quan điểm của Đảng về giải quyết vấn đề dân số và phát triển trong giai đoạn hiện nay.  + Chủ động, trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành việc giải quyết vấn đề dân số và phát triển tại địa phương. |

**5. Tài liệu học tập**

***5.1. Tài liệu phải đọc***

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý*. NXB Lý luận Chính trị, 2021, tr 124 - 162.
* Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, tập 1, tr 151; tập 2, tr 136.

***5.2. Tài liệu nên đọc***

* Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.
* Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.
* Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030”.
* Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về lồng ghép các yếu tố dân số vào chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương.
* Ban Chấp hành Trung ương: Quy định số 69-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 6 tháng 7 năm 2022 Quy định về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, Điều 14, 25 và 28.

**6. Nội dung**

| **Câu hỏi cốt lõi** | **Nội dung cốt lõi** | **Câu hỏi kiểm tra quá trình học tập của học viên** |
| --- | --- | --- |
| **CHCL 1. Dân số và phát triển có mối quan hệ với nhau như thế nào?** | * 1. **Dân số và các chiều cạnh của dân số** * Dân số là tập hợp người sinh sống trong một quốc gia, khu vực, vùng địa lý kinh tế hoặc một đơn vị hành chính. * Các chiều cạnh của dân số bao gồm quy mô dân số, cơ cấu dân số, chất lượng dân số và biến động dân số (sinh, tử và di cư).   **1.2. Mối quan hệ giữa dân số và phát triển**   * Dân số và phát triển có quan hệ tác động qua lại với nhau. Dân số có thể mang đến cơ hội cũng như thách thức, tạo động lực hoặc gây áp lực đến quá trình phát triển. Dân số và phát triển là vấn đề quan trọng, phức tạp, có ảnh hưởng sâu sắc đến phát triển bền vững. * Dân số (quy mô, cơ cấu, chất lượng và biến động dân số) tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội:   + Ảnh hưởng quy mô, chất lượng nguồn nhân lực.  + Ảnh hưởng đến cầu, cung cơ sở hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ xã hội cơ bản và các hàng hoá, dịch vụ khác.  + Ảnh hưởng đến khai thác và sử dụng tài nguyên.  + Tạo áp lực giải quyết các vấn đề xã hội: Giải quyết việc làm, trợ giúp xã hội và đảm bảo an sinh xã hội, bất bình đẳng xã hội…   * Trình độ phát triển kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến dân số thông qua ảnh hưởng trực tiếp đến mức sinh, mức tử và di cư:   + Học vấn, cơ hội và điều kiện làm việc, thu nhập, lối sống … ảnh hưởng quyết định kết hôn, việc mang thai và sinh con.  + Sự phát triển của hệ thống an sinh xã hội và việc tiếp cận mạng lưới an sinh xã hội làm thay đổi quyết định sinh con, bao gồm quyết định về số con và việc lựa chọn con trai).  + Phát triển công nghệ, dịch vụ chăm sóc sức khoẻ… ảnh hưởng đến tuổi thọ, tỉ lệ chết theo độ tuổi, khả năng kiểm soát việc mang thai, số lần sinh và thời điểm sinh…  + Chênh lệch trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng, miền tạo lực hút, đẩy di cư giữa các vùng, miền. | **Câu hỏi trước giờ lên lớp**   1. Vì sao cán bộ lãnh đạo, quản lý cần quan tâm đến vấn đề dân số và công tác dân số? 2. Đảng Cộng sản Việt Nam có quan điểm như thế nào về giải quyết các vấn đề dân số trong quá trình phát triển? 3. Để giải quyết các vấn đề dân số và phát triển của địa phương hiện nay, cần có giải pháp như thế nào?   **Câu hỏi sau giờ lên lớp**   1. Với vị trí công tác hiện nay, đồng chí sẽ làm gì để góp phần chỉ đạo, điều hành việc giải quyết các vấn đề dân số và phát triển tại địa phương? |
| **CHCL 2. Quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giải quyết vấn đề dân số trong phát triển ở Việt Nam hiện nay như thế nào?** | **(**Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017; Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Khoá XII tại Đại hội Đảng XIII)  **2.1. Vấn đề dân số và mục tiêu giải quyết vấn đề dân số trong phát triển ở Việt Nam hiện nay**  \* *Vấn đề dân số và phát triển của Việt Nam hiện nay*  - Đạt mức sinh thay thế, bắt đầu chuyển sang giai đoạn giảm sinh, tốc độ tăng dân số giảm.  - Già hoá dân số với tốc độ nhanh, giai đoạn cơ cấu dân số vàng ngắn.  - Mất cân bằng giới tính khi sinh.  - Chất lượng dân số hạn chế cả về trí và lực; nguy cơ biến mất một số dân tộc rất ít người.  - Di cư tự do nội tỉnh và giữa các tỉnh đặt ra vấn đề phát triển bền vững của cả nơi đi và nơi đến.  *\* Mục tiêu*  - Tận dụng và phát huy lợi thế của thời kỳ cơ cấu dân số vàng, chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hoá dân số.   * Bảo vệ, phát triển dân số các dân tộc rất ít người. * Nâng cao chất lượng dân số gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. * Bảo đảm mức tăng dân số hợp lý và cân bằng giới tính khi sinh. * Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý.   **2.2. Yêu cầu và biện pháp tổ chức thực hiện công tác dân số**  \* *Yêu cầu đối với công tác dân số hiện nay*   * Việt Nam bước vào quá độ dân số, công tác dân số cần chuyển đổi toàn diện, đồng bộ trên tất cả các mặt để giải quyết vấn đề dân số và phát triển. * Công tác dân số: Là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết vừa lâu dài; Nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; Đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển. * Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bổ, chất lượng dân số đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội.   *\* Biện pháp tổ chức thực hiện*  - Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền: Thống nhất nhận thức về chuyển trọng tâm của chính sách dân số và đưa công tác dân số thành một nội dung trọng tâm lãnh đạo, chỉ đạo.   * Tổ chức lồng ghép có hiệu quả các yếu tố dân số trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của cả nước, của từng ngành, từng địa phương. * Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân và cộng đồng trong công tác dân số. * Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động: Duy trì mức sinh thay thế; đưa tỉ suất giới tính khi sinh về cân bằng tự nhiên; nâng cao chất lượng dân số; hình thành lối sống lành mạnh. * Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật theo hướng điều chỉnh, bãi bỏ các quy định không phù hợp; bổ sung các quy định mới.   + Hỗ trợ, khuyến khích sinh phù hợp theo địa phương. Xử phạt vi phạm về lựa chọn giới tính thai nhi.  + Hỗ trợ để ổn định dân cư.  - Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số, trong đó chú ý đáp ứng nhu cầu các các nhóm xã hội đặc thù.  - Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số và đảm bảo nguồn lực cho công tác dân số.   |  |  | | --- | --- | |  |  | |
| **CHCL 3. Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần làm gì để giải quyết vấn đề dân số và phát triển tại địa phương?** | *(Thảo luận nhóm để vận dụng kiến thức chuyên đề giải quyết tình huống lãnh đạo, quản lý trong thực tiễn; giảng viên neo chốt nội dung thảo luận)*  **3.1. Vấn đề dân số đặt ra trong quá trình phát triển của địa phương**  - Xác định vấn đề dân số cần quan tâm trong phát triển của địa phương.  - Hệ quả của vấn đề và nguyên nhân.  (*Gợi ý*: Về chính sách, pháp luật; Tuyên truyền, vận động; Tổ chức bộ máy và cơ chế phối hợp; Nguồn lực thực hiện).  - Giải pháp để giải quyết vấn đề.  **3.2. Yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành giải quyết vấn đề dân số và phát triển tại địa phương**   * Quán triệt quan điểm của Đảng về giải quyết vấn đề dân số và phát triển. * Lập kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng kết/đánh giá việc tổ chức thực hiện hoặc lồng ghép giải quyết vấn đề dân số và phát triển trong hoạt động của địa phương/đơn vị. * Phối hợp thực hiện. * Nâng cao năng lực của bộ máy và tăng cường phối hợp liên ngành. |

**7. Yêu cầu với học viên**

* Đọc và nghiên cứu đề cương môn học, tài liệu học tập theo hướng dẫn trước giờ lên lớp (ở Mục 5).
* Trả lời các câu hỏi trước giờ lên lớp (ở Mục 6).
* Tập trung nghe giảng, tích cực trao đổi và thảo luận.

## VI. Chuyên đề 6

**1. Tên chuyên đề:** QUẢN LÝ XÃ HỘI TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

**2. Thời gian:** 5 tiết

**3. Mục tiêu:** Chuyên đề này cung cấp cho học viên:

***- Về kiến thức:***

+ Cơ sở khoa học của việc quản lý phát triển xã hội.

+ Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam.

* ***Về kỹ năng:***

+ Nhận diện vấn đề đặt ra trong quản lý phát triển xã hội hiện nay; phân tích nguyên nhân của vấn đề, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề.

+ Xác định yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành quản lý phát triển xã hội tại địa phương.

* ***Về tư tưởng:***

+ Tin tưởng, bảo vệ quan điểm của Đảng về quản lý phát triển xã hội.

+ Chủ động và trách nhiệm tham gia chỉ đạo, điều hành quản lý phát triển xã hội tại địa phương.

**3. Chuẩn đầu ra và đánh giá người học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra** | **Đánh giá người học** | |
| **Yêu cầu đánh giá** | **Hình thức đánh giá** |
| Sau chuyên đề, học viên sẽ:  ***- Về kiến thức:***  + Hiểu được bản chất, nội dung cơ bản và các yếu tố ảnh hưởng đến việc quản lý phát triển xã hội.  + Nắm chắc quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về quản lý phát triển xã hội. | * Trình bày được bản chất và nội dung của quản lý phát triển xã hội. * Phân tích được cơ sở khoa học và pháp lý của quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam. * Nhận diện được vấn đề đặt ra trong quản lý phát triển xã hội tại địa phương; phân tích được nguyên nhân; đề xuất được giải pháp để giải quyết vấn đề. * Xác định được yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành quản lý phát triển xã hội ở địa phương. | * Thi viết; * Thi vấn đáp; * Viết thu hoạch. |
| ***- Về kỹ năng:***  + Nhận diện được vấn đề đặt ra trong quản lý phát triển xã hội; phân tích được nguyên nhân của vấn đề; đề xuất được giải pháp để giải quyết vấn đề.  + Xác định được yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành quản lý phát triển xã hội tại địa phương. |
| ***- Về thái độ/Tư tưởng:***  + Tin tưởng và sẵn sàng bảo vệ quan điểm của Đảng về quản lý phát triển xã hội.  + Chủ động, trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành quản lý phát triển xã hội tại địa phương. |

**5. Tài liệu học tập**

### ***5.1. Tài liệu phải đọc***

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý*. NXB Lý luận Chính trị, 2021, tr 204-237.
* Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, tập 1, tr 51, 86, 147-148, 215.

### ***5.2. Tài liệu nên đọc***

* Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.
* Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 43-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.
* Đảng Cộng sản Việt Nam: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, 2021, tr 72-78, 151.

**6. Nội dung**

| **Câu hỏi cốt lõi** | **Nội dung cốt lõi** | **Câu hỏi kiểm tra quá trình học tập của học viên** |
| --- | --- | --- |
| **CHCL 1. Quản lý phát triển xã hội bao gồm những nội dung nào?** | **1.1. Bản chất của quản lý phát triển xã hội**   * Là sự tác động có định hướng, có tổ chức của các chủ thể nhà nước và xã hội nhằm giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh trong đời sống xã hội nhằm mục tiêu phát triển xã hội hài hòa và bền vững. * Các thành tố của quản lý phát triển xã hội:   + Mục đích: Giải quyết các vấn đề xã hội để đạt được tiến bộ và công bằng xã hội, hướng đến sự phát triển xã hội bền vững.  + Chủ thể: Nhà nước và xã hội.  *+* Phương thức quản lý: Đa dạng, gắn với việc sử dụng các công cụ, nguồn lực của nhà nước và từ xã hội.   * Quản lý phát triển xã hội là mô hình quản lý ưu việt, tiến bộ nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển là vì con người và xã hội, đảm bảo con người là mục tiêu, chủ thể, động lực phát triển, và cho phép cải thiện tính hiệu lực, hiệu quả của việc ứng phó với những vấn đề ngày càng phức tạp.   1. **Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý phát triển xã hội** * Tính phức tạp, nghiêm trọng của vấn đề cần được giải quyết. * Khung pháp lý về quản lý phát triển xã hội, bao gồm quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực xã hội và quy định về tham gia quản lý xã hội của các chủ thể ngoài nhà nước. * Cam kết chính trị, tổ chức bộ máy và năng lực của chủ thể nhà nước. * Năng lực và sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước (kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và nguồn lực; động cơ và lợi ích). * Bối cảnh thực hiện quản lý phát triển xã hội, bao gồm các điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội.   1. **Một số nội dung cơ bản của quản lý phát triển xã hội**   ***\* Quản lý phát triển xã hội đối với sai lệch xã hội***:  - Sai lệch xã hội: Là các hành vi vi phạm giá trị, chuẩn mực và khuôn mẫu xã hội, gây ảnh hưởng đến xã hội (tích cực hoặc tiêu cực).  - Hệ quả của sai lệch xã hội: Tích cực (dẫn dắt đổi mới, thúc đẩy phát triển) hoặc tiêu cực (phá vỡ giá trị, chuẩn mực, khuôn mẫu và trật tự của xã hội, đe doạ sự ổn định và phát triển của xã hội).  - Quản lý xã hội đối với sai lệch xã hội:  + Mục tiêu: Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, thúc đẩy sự gắn kết xã hội trên cơ sở tạo thuận lợi cho những hành vi thay đổi tích cực, trái lại hạn chế, ngăn ngừa các hành vi sai lệch tiêu cực và giảm thiểu tác hại của các hành vi này đến xã hội.  + Phương thức quản lý: Xây dựng cơ chế tự kiểm soát và duy trì cơ chế kiểm soát từ bên ngoài (chính thức và không chính thức) thông qua các thiết chế chính thức và phi chính thức.  \* ***Quản lý phát triển xã hội đối với tình huống bất thường***  - Tình huống bất thường: Tình huống/sự kiện xảy ra đột ngột, không theo quy luật, khó đoán định; nguyên nhân do yếu tố tự nhiên hay xã hội; gây hậu quả tiêu cực nhiều mặt, lâu dài đến xã hội; cần can thiệp để khắc phục hậu quả. Cần được quản lý trên cơ sở tư duy thích ứng.  - Hệ quả xã hội của tình huống bất thường:  + Dẫn đến thiệt hại to lớn, nảy sinh các vấn đề xã hội tiêu cực như thất nghiệp, bất bình đẳng, mâu thuẫn và xung đột xã hội.  + Đe doạ sự an ninh con người.  + Gây hoang mang, lo lắng, sợ hãi, bức xúc, mất niềm tin và đe doạ các giá trị xã hội nền tảng.  + Gây mất ổn định trật tự xã hội, đẩy lùi các thành tựu phát triển.   * Quản lý xã hội đối với tình huống bất thường:   + Mục tiêu: Giảm thiểu tác động tiêu cực của tình huống bất thường đối với xã hội; Đảm bảo an ninh và an sinh xã hội; và tăng cường hiệu lực, hiệu quả giải quyết tình huống bất thường.  + Phương thức: Quản lý nhà nước và tự quản cộng đồng. | **Câu hỏi trước giờ lên lớp**   1. Bản chất và nội dung cơ bản của quản lý phát triển xã hội là gì? Vì sao cán bộ lãnh đạo, quản lý cần chỉ đạo, điều hành quản lý phát triển xã hội tại địa phương? 2. Vấn đề đặt ra trong thực hiện quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quản lý phát triển xã hội tại địa phương là gì? Cần có những giải pháp nào để giải quyết vấn đề trên?   **Câu hỏi sau giờ lên lớp**   1. Với cương vị công tác hiện nay, đồng chí sẽ làm gì để tổ chức thực hiện tốt quan điểm của Đảng về quản lý phát triển xã hội tại địa phương? |
| **CHCL 2. Quan điểm của Đảng về quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay như thế nào?** | * **Trước Đại hội Đảng XII**: Tập trung vào quản lý nhà nước đối với việc thực hiện chính sách xã hội; Chưa quan tâm phát huy vai trò, sự tham gia của chủ thể khác một cách thoả đáng. * **Đại hội Đảng XII** (Văn kiện Đại hội Đảng XI): Phát triển nhận thức, tư duy về quản lý phát triển xã hội. Lần đầu tiên sử dụng khái niệm quản lý phát triển xã hội:   + Mục tiêu: Tiếp tục theo đuổi thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; Đảm bảo phát triển hài hòa, ổn định, bền vững; Xây dựng và giữ gìn môi trường sống tốt đẹp để phát triển toàn diện con người Việt Nam.  + Phương pháp, cách thức giải quyết vấn đề xã hội, quản lý phát triển xã hội:  (1) “Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân… Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững”.  (2) “Giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội”.   * **Đại hội Đảng XIII** (2021):   + Xác định bất cập: Quản lý phát triển xã hội và giải quyết vấn đề xã hội chưa được quan tâm đúng mức; Chưa được kết hợp đồng bộ, chặt chẽ trong quá trình phát triển kinh tế, văn hoá; Thể chế quản lý phát triển xã hội còn nhiều hạn chế, nảy sinh nhiều tội phạm, xung đột xã hội… gây bức xúc trong xã hội.  + Yêu cầu: Tăng cường quản lý có hiệu quả và nghiêm minh; bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; đảm bảo tính bền vững của chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người.   1. Triển khai đồng bộ, toàn diện các mục tiêu phát triển. Giải quyết hài hoà các quan hệ xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội và xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. 2. Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả trên cơ sở gắn kết quản lý phát triển với chính sách xã hội đặt trong tổng thể hệ thống chính sách phát triển của Nhà nước. 3. Đề cao *vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước.* Phát huy tính tích cực chính trị - xã hội, quyền và trách nhiệm của nhân dân. 4. “Hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ, tiếp tục thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, nhất là dân chủ cơ sở”, “Coi trọng hơn quản lý phát triển xã hội; mở rộng dân chủ phải gắn với giữ vững kỷ luật, kỷ cương”. 5. Có cơ chế giải phóng mọi tiềm năng, sức mạnh, khả năng sáng tạo, động viên nhân dân tham gia phát triển kinh tế và quản lý phát triển xã hội. Bảo đảm *công khai, minh bạch thông tin*, *quyền được thông tin* và *cơ hội tiếp cận thông tin* của mọi tầng lớp nhân dân.  * **Nghị quyết số 42-NQ/TW (2023)**:   **+** Tiếp tục quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc và giải pháp của Văn kiện Đại hội XIII về giải quyết các vấn đề xã hội và phát triển xã hội.  + Đổi mới cách tiếp cận về mục tiêu hướng đến phát triển xã hội toàn diện, hiện đại, bền vững, bao trùm cho mọi người dân.  + Làm rõ chủ thể, phương thức thực hiện quản lý phát triển xã hội.  + Đổi mới và nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý phát triển xã hội trên cơ sở phân cấp, phân quyền và tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân.   * **Nghị quyết số 43-NQ/TW (2023) -** Bổ sung, làm rõ hơn:   + Hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật về tăng cường sự tham gia.  + Đảm bảo quyền và trách nhiệm tham gia quản lý xã hội.  + Bổ sung quy định về trách nhiệm công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện dân chủ ở cơ sở. |
| **CHCL 3. Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần làm gì để quản lý phát triển xã hội tại địa phương?** | *(Thảo luận nhóm để vận dụng kiến thức chuyên đề giải quyết tình huống lãnh đạo, quản lý trong thực tiễn; giảng viên neo chốt nội dung thảo luận)*  **3.1. Vấn đề đặt ra trong quản lý phát triển xã hội hiện nay**   * Thực trạng quản lý phát triển xã hội: Vấn đề; chủ thể; kết quả đạt được. * Vấn đề đặt ra và nguyên nhân.   (*Gợi ý*: Về chính sách, pháp luật; Tuyên truyền, vận động; Tổ chức bộ máy và cơ chế phối hợp; Nguồn lực thực hiện).   * 1. **Yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành quản lý phát triển xã hội** * Quán triệt quan điểm của Đảng về quản lý phát triển xã hội. * Lập kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng kết, đánh giá việc thực hiện. * Phối hợp thực hiện. * Xây dựng bộ máy và nâng cao năng lực của bộ máy. |

**7. Yêu cầu với học viên**

* Đọc và nghiên cứu đề cương môn học, tài liệu học tập theo hướng dẫn trước giờ lên lớp (ở Mục 5).
* Trả lời các câu hỏi trước giờ lên lớp (ở Mục 6).
* Tập trung nghe giảng, tích cực trao đổi và thảo luận.